| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2019/HS - ST
Ngày: 16-05-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Chu Thị Thu Hương

*Các hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Dương

Bà Nguyễn Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Th□ ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Anh Đức và ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại nhà văn hóa khu dân cư số 6, phường P, thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/HSST ngày 13 tháng 03 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị C(tên gọi khác: H), sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Th; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Khu dân cư số 12, phường P, thành phố C, tỉnh H;nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ;tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;Con ông: Hoàng Văn C và con bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 29/5/2015 bị Công an thị xã C(nay Công an thành phố C) xử phạt hành chính về hành vi bán dâm. Ngày 8/6/2015, C thi hành xong phần tiền phạt của Quyết định trên.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/12/2018 thì tạm giam tại Trại tạm giam K, Công an tỉnh H. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 tại thị xã C, tỉnh H(nay là thành phố C, tỉnh H) ; nơi ĐKHKTT: Khu dân cư số 12, phường P, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông : Nguyễn Văn N và con bà Phạm Thị T; Tiền án, tiền sự: không .

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/12/2018 thì tạm giam tại Trại tạm giam K, Công an tỉnh H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Anh Dương Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ : Thôn V, xã N, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Bùi Quý T, sinh năm 1981

Địa chỉ : Khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng trưa ngày 30/11/2018, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà đến nhà trọ của Hoàng Thị C ở khu dân cư số 12, phường P, thị xã C (nay là Thành phố C), tỉnh H chơi. Sau khi ăn cơm xong, C than vãn không có tiền đóng tiền nhà trọ nên đưa cho T số tiền 500.000 đồng nhờ T đi mua hộ ma túy về bán kiếm lời. T đồng ý và cầm số tiền đi bộ ra khu vực cổng Công ty cổ phần nhiệt điện P thuộc khu dân cư số 10. T gọi điện thoại cho một người đàn ông tên Đ (T không biết tên thật, tuổi và địa chỉ) và hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy. Một lúc sau, Đ đi taxi đến, đưa cho T 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và nhận của T số tiền 500.000 đồng. T cầm túi ma túy mua được về đưa cho C. C chia túi ma túy trên chia thành 03 túi nilon nhỏ, còn thừa một ít để trong túi nilon. C để số ma túy mua được trên mặt tivi trong nhà vệ sinh.

Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày Nguyễn Văn T cùng Dương Văn H, sinh năm 1988, HKTT: Thôn V, xã N, thành phố H cùng rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng nhưng cả hai không có tiền nên T rủ H đến nhà C mua chịu ma túy. H đồng ý nên cả hai đi đến phòng trọ của C, T đứng ở ngoài sân còn H đi vào gặp C. H hỏi C: "*Lâu không gặp chị, chị có quà cho em không*". C trả lời: "*đang chết giở đây này, làm gì có gì mà cho*" thì H nói: "*chị cứ bỏ ra đi, hôm nào em trả tiền*". C đi vào trong nhà vệ sinh, cầm túi nilon có chứa số ma túy còn thừa sau khi đã chia thành 03 túi nhỏ đưa cho H và nói: "*đây, còn một ít chị cho lấy mà sử dụng*". H cầm lấy số ma túy này rồi hỏi C: "*bộ đồ đâu chị*" thì C lấy bộ đồ sử dụng ma túy dưới gầm giường đưa cho H. H và T vào phòng ngủ của C cùng

nhau sử dụng ma túy. Đúng lúc này có một đối tượng tự khai là Trần Văn T, sinh năm 1959, HKTT: khu dân cư T 1, phường S, thành phố C, tỉnh H đến phòng trọ của C và hỏi: "*để cho tôi túi ba*". C hiểu là T muốn mua 300.000 đồng tiền ma túy, C đồng ý đi vào phòng vệ sinh lấy 01 túi ma túy để trên mặt tivi đi ra đưa cho T và nhận của T số tiền 300.000 đồng thì bị lực lượng Công an thị xã C (nay là thành phố C) bắt quả tang. Tang vật thu giữ: Trong túi áo bên phải đằng trước củaT 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,2x1,8)cm, trong có chứa chất tinh thể màu trắng, và tiền 300.000 đồng là tiền bán ma túy cho T. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Thị C, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố C còn thu giữ tại mặt trên chiếc tivi trong phòng tắm 02 gói nilon màu trắng kích thước (1,1x1,8)cm bên trong chứa chất kết tinh màu trắng. Tại thời điểm bắt quả tang Hoàng Thị C bán ma túy, Công an Thành phố C còn phát hiện và bắt giữ trong phòng ngủ tại chỗ ở của C có Nguyễn Văn T và Dương Văn H đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Công an đã thu giữ: 01 vỏ chai nhựa có nước bên trong có lắp và được đục hai lỗ; 01 ống hút màu xanh kích thước 17cm và các mảnh vỡ của bầu cóong thủy tinh.

Tại bản Kết luận giám định số 02/KLGĐ-PC09 ngày 03/12/2018 của Phòng ký thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận:

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì thư ký hiệu (1) gửi đến giám định khối lượng là 0,027gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì thư ký hiệu (3) gửi đến giám định có tổng khối lượng là 0,058gam là ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 04/KLGĐ-PC09 ngày 03/12/2018 của Phòng ký thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận: Các mảnh vỡ thủy tinh niêm phong trong phong bì ký hiệu (4), trong quá trình giám định có phát hiện thấy dấu vết chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSCL ngày 11-03-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Hoàng Thị C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định khoản 1 Điều 251 và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên toà:*

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị C(tên gọi khác: H) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"; Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt Hoàng Thị C(tên gọi khác H) từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 7 năm đến 7 năm 3 tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 9 năm 3 tháng đến 9 năm 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu cho tiêu hủy: 0,028 gam Methamphetamine được đựng trong phong bình niêm phong số 02/KLGĐ-PC09 và các mảnh thủy tinh vỡ đựng trong phong bì niêm phong số 04/KLGĐ-PC09 hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành và 01 vỏ chai nước bằng nhựa, nắp màu vàng được đục hai lỗ(đã qua sử dụng); 01 ống hút bằng nhựa màu xanh chiều dài 17cm(đã qua sử dụng); Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng đựng trong phong bì niêm phong số 02/CSĐT ngày 30/11/2018;

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Thị C(tên gọi khác: H), Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Hoàng Thị C, Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 30/11/2018, tại nhà trọ của Hoàng Thị C ở khu dân cư số 12, phường P, thành phố C, tỉnh H, C có hành vi bán trái phép 0,027 gam Methamphetamine cho đối tượng tên Trần Văn T với giá 300.000đồng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Cúc thu giữ 0,058 gam Methamphetamine, đây là số ma túy C cất giữ để nhằm mục đích ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Toàn bộ số ma túy này là do C nhờ Nguyễn Văn T mua hộ của đối tượng tên Đ ở phường V, thành phố C với giá 500.000đồng. Tại thời điểm khám xét nơi ở của C, lực lượng Công an thành phố C bắt giữ Nguyễn Văn T và Dương Văn H là đối tượng nghiện ma túy, đang sử dụng ma túy tại phòng ngủ của Hoàng Thị C. C không phải đối tượng nghiện ma túy nhưng cho T và H mượn địa điểm do mình quản lý để sử dụng ma túy. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Hoàng Thị C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và tội " Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS; truy tố Nguyễn Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với nhau, hành vi của bị cáo này giúp sức, thúc đẩy bị cáo kia thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo C là người chủ mưu, đề xuất vì mục đích kiếm lời nên đã nhờ T mua ma túy về cất giấu và thực hiện hành vi bán ma túy bất hợp pháp cho đối tượng T để thu lời bất chính. Ngoài ra, bị cáo C không phải người nghiện ma túy, còn đưa ma túy cho bị cáo T và Dương Văn H để cả hai cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ của C. Do đó, bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo T là người nghiện ma túy, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo T không được C hứa hẹn, hưởng lợi gì từ việc mua hộ ma túy nhưng do nể nang nên T thực hiện hành vi đi mua ma túy cho C bán. Hành vi của bị cáo T giữ vai trò là người giúp sức tích cực nên bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét tới các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa

hôm nay, các bị cáo C, T đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo C có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân xấu, đã từng vi phạm pháp luật, bị xử phạt hành chính nhưng cũng không lấy đó là bài học. Bị cáo C, T đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù thỏa đáng, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để rèn luyện các bị cáo trở thành người có ích, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T là người nghiện ma túy, không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Xét bị cáo C là người bán ma túy vì mục đích tư lợi nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C.

[5] Về vật chứng: Đối với 0,028 gam Methamphetamine được đựng trong phong bình niêm phong số 02/KLGĐ-PC09 và các mảnh thủy tinh vỡ đựng trong phong bì niêm phong số 04/KLGĐ-PC09 hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành và 01 vỏ chai nước bằng nhựa, nắp màu vàng được đục hai lỗ; 01 ống hút nhựa màu xanh chiều dài 17cm(đã qua sử dụng) không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho hủy bỏ; Đối với số tiền 300.000 đồng là tiền do bị cáo C phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS

[6] Trong vụ án, đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T và Dương Văn H đã bị Công an thành phố C ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với số ma túy, Nguyễn Văn T khai mua của người đàn ông tên Đ ở phường V, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C không xác định được nhân thân, lý lịch của đối tượng trên khi có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động, T sử dụng để liên lạc với đối tượng tên Đ để mua ma túy, hiện T đã làm mất, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra thông báo truy tìm nhưng không truy tìm được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối tượng Trần Văn T là người mua ma túy của bị cáo C, trong quá trình làm việc đã tự ý rời khỏi trụ sở cơ quan điều tra. Sau khi tiến hành xác minh tại phường S không có đối tượng nào có lý lịch như trên nên cơ quan cảnh sát điều

tra Công an thành phố C tiếp tục điều tra, làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo C, T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm d khoản 2 Điều 256; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 BLHS đối với bị cáo Hoàng Thị C.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị C(tên gọi khác: H) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"; Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt Hoàng Thị C(tên gọi khác H) 2 năm 6 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 7 năm 6 tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 25 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/12/2018.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Hoàng Thị C(tên gọi khác: H) 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu cho tiêu hủy: 0,028 gam Methamphetamine được đựng trong phong bình niêm phong số 02/KLGĐ-PC09 và các mảnh thủy tinh vỡ đựng trong phong bì niêm phong số 04/KLGĐ-PC09 hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành và 01 vỏ chai nước bằng nhựa, nắp màu vàng được đục hai lỗ; 01 ống hút nhựa màu xanh chiều dài 17cm(đã qua sử dụng); Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng đựng trong phong bì niêm phong số 02/CSĐT ngày 30/11/2018;

(*(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thị xã C nay là Công an thành phố C và Chi cục THADS thị xã C nay là Chi cục THADS thành phố C ngày 12/3/2019 và biên bản giao nhận tài sản giữa Kho bạc nhà nước C- H và cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C nay là Công an thành phố C ngày 15/01/2019).*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQHH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Thị C(tên gọi khác: H), Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**